TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/ 2022/HC-PT
Ngày: 26/12/2022
V/v "*Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: ông **Lê Phước Thanh**

ông **Nguyễn Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 175/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính"*; do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 389/2022/QĐPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1927; địa chỉ: Tổ 47, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1985; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang N - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; Có đơn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Mai N - Chức vụ : Phó Chủ tịch UBND quận N, thành phố Đà Nẵng.

2. Uỷ ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng;

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Uỷ ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện là bà Huỳnh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C trình bày:***

Năm 2014 để thực hiện dự án khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng, UBND quận N, Tp Đà Nẵng thực hiện thu hồi đất trên địa bàn phường H, quận N và ban hành Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải toả để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng. Theo đó, thu hồi toàn bộ diện tích 707.6m^2 đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết) tại thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, phường H, quận N, TP Đà Nẵng. Việc bồi thường thu hồi đất được thực hiện theo bảng tính giá trị đền bù số 1410-1/BĐBGT và không được bố trí đất tại định cư.

Không đồng ý với việc bồi thường, không bố trí tái định cư, bà B đã nộp hồ sơ khiếu nại về việc UBND thành phố Đà Nẵng. Ngày 26/5/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, quyết định:

- Giữ nguyên quyết định phê duyệt đền bù, hỗ trợ đối với hộ bà Huỳnh Thị B khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng.

- Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (Nhận uỷ quyền của Bà Huỳnh Thị B) về bồi thường đất và bố trí tái định cư do thu hồi thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2 của hộ bà Huỳnh Thị B để đầu tư xây dựng khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng và yêu cầu bồi thường theo giá đất ở cho diện tích 707.6m^2, bố trí 02 lô đất tái định cư.

Bà B không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đà Nẵng, vì các lí do sau:

Thứ nhất, về nguồn gốc quyền sử dụng đất: Từ sau ngày giải phóng năm 1975, vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và Huỳnh Thị B sử dụng, khai hoang và cải tạo một phần diện tích do cha mẹ là ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị C để lại tại thôn Đ, phường H, quận N, tp Đà Nẵng, sau này thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232 với diện tích 707.6m^2. Từ năm 1975 vợ chồng ông bà đã xây dựng nhà kiên cố trên đất, trồng cây ăn quả, quản lý, canh tác và và tôn tạo đất. Năm 1999 do mưa bão nhà cửa hư hại, vợ chồng ông bà đã thuê người sửa

chữa, được thể hiện trong các giấy xác nhận của những người từng tham gia sửa chữa nhà cho ông bà và được UBND phường H xác nhận trong giấy xác nhận, nguồn gốc đất và nhà ở ngày 22/12/2004. Nhà xây dựng trên đất có diện tích 148,78m^2. Đến năm 2014 nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng, tại thời điểm thu hồi, nhà và các công trình xây dựng trên đất vẫn còn, gia đình ông bà vẫn sinh sống ở đó.

Như vậy, vợ chồng ông bà đã quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài, liên tục và xây dựng nhà ở kiên cố tại thửa đất nói trên ở phường H, quận N, tp Đà Nẵng từ năm 1975 đến thời điểm thu hồi năm 2014.

Thứ hai, về quyết định bồi thường đất và bố trí tái định cư do thu hồi đất: Trong bảng tính giá trị đền bù số 1410/1/BĐBGT và Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đà Nẵng đều xác định diện tích đất thu hồi có mục đích đất sử dụng là đất màu, bà không đồng tình với xác định này, bởi vì: thửa đất được kê khai theo C thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính Phủ và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ là đất màu nhưng thực tế khi thực hiện kê khai đất đai, trên đất vợ chồng ông bà đã xây dựng nhà và sinh sống. Thủ tục kê khai thực hiện từ 1980, 1983 được triển khai hàng loạt trên địa bàn cả nước, hoạt động kê khai do cán bộ địa phương trực tiếp thực hiện, xác định loại đất, cùng với sự thiếu hiểu biết quy định, không nắm rõ các chính sách của nhà nước thời điểm đó, đã dẫn tới việc xác định sai loại đất. Từ nội dung trên hồ sơ kê khai theo C thị số 299/TTg và Nghị định số 64/CP cơ quan thu hồi đất đã lấy làm cơ sở để xác định đất thu hồi là đất màu, xác định này là không phản ánh đúng tình trạng, mục đích sử dụng đất thực tế.

Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất Đai 2013 và khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai, theo đó *"Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng"*. Thửa đất được vợ chồng ông bà khai hoang sử dụng hợp pháp từ thửa đất cha mẹ để lại không lấn chiếm, sử dụng trái phép. Hồ sơ kê khai không phản ánh mục đích sử dụng đất thực tế, cần căn cứ quy định trên để xác định mục đích sử dụng đất của 707.6m^2 thu hồi là đất ở. Từ đó, căn cứ Điều 47 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng thuộc trường hợp được bố trí tái định cư.

Tại thời điểm thu hồi đất, gia đình đang sinh sống trên thửa đất và đây cũng là nhà và thửa đất duy nhất của ông bà. Khi có chính sách thu hồi đất để thực hiện dự án, ông bà đã tích cực, tuân thủ theo chính sách thu hồi của nhà nước. Tuy nhiên sau khi thu hồi ông bà không còn nơi nào để sinh sống, không có nơi thờ cúng tổ tiên, người có công với cách mạng, đẩy gia đình ông bà vô hoàn cảnh hết sức khó khăn phải đi ở nhờ nhà thờ tộc phái.

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng có chính sách "Thành phố 3 có": có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hoá văn minh đô thị. Chính sách của thành phố hướng tới xây dựng cuộc sống ổn định cho người dân, đảm bảo tất cả người dân đều có đất, có nhà. Chính sách này càng cần xem xét hỗ trợ với gia đình chính

sách người có công với cách mạng như ông bà. Cả ông bà đều là thương binh, bà B được Đảng và nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, chồng bà được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì và huân chương độc lập hạng ba. Cả đời ông bà đã đóng góp cho cách mạng, cho kháng chiến.

Theo quy định tại điểm 4 Điều 47 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng thuộc trường hợp đặc biệt được xem xét bố trí tái định cư. Do đó việc đền bù và không bố trí xác định tái định cư sau khi thu hồi đất của gia đình tôi là không thoả đáng, không xem xét một cách toàn diện khách quan. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1808/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng là chưa thoả đáng. Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị Toà án xem xét toàn bộ nội dung vụ án và giả quyết các yêu cầu sau:

Nay đề nghị Toà án giải quyết:

Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1808/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (đại diện cho bà Huỳnh Thị B), trú tại tổ 23, phường H, quận N.

Bố trí đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị B do bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2, diện tích nhà ở 148,78m^2 của vợ chồng ông bà.

Ngày 28/4/2022, người khởi kiện yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định 9223/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định 2400/QĐ UBND ngày 03/5/2017; Quyết định 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017; Quyết định 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018; Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018; Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc phê duyệt quyết định bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410).

- Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất làm hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (Thu hồi 707,6m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết), bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q (đại diện) đang sử dụng tại đất số 35, bản đồ hiện trạng 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng).

Ngày 11 /7/2022 người khởi kiện có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc bố trí đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị B do bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2, diện tích nhà ở 148,78m^2 của vợ chồng ông bà.

**** Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là ông Lê Quang N vắng mặt, nhưng tại văn bản gửi Tòa án trình bày:***

Bà Huỳnh Thị B khiếu nại bồi thường về đất và bố trí đất tái định cư do thu hồi thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707,6m^2 để đầu tư xây dựng khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng và yêu cầu bồi thường theo giá đất ở cho diện tích 707,6m^2 và bố trí 02 lô đất tái định cư.

Nguồn gốc đất, nhà ở và giấy tờ liên quan:

- Giấy xin xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở ngày 22/12/2004 của ông Nguyễn Thành Đ (chồng bà B), có nội dung: Chủ hộ đang sở hữu một phần đất của cha mẹ là ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị C để lại từ thời Pháp thuộc, với diện tích 700m^2 tại tổ 25 Đ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Tứ cận: Đông giáp đường đi, Tây giáp nhà ông K, Nam giáp nhà ông H (trước đây là nhà ông C), Bắc giáp nhà ông K.

Năm 1975, xây dựng ngôi nhà ở khoảng 85m^2, mái tôn, nền xi măng, tường xây và trồng các loại cây ăn quả như: Đào lộn hột, bồ kết, tre,… Hiện nay đang ở và quản lý tài sản trên, hằng năm gia đình vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

Nội dung trình bày nêu trên có xác nhận UBND phường H ngày 10/1/2005, với nội dung: *"Ông Nguyễn Thành Đ hiện có ngôi nhà tại tổ 25 phường H, nguồn gốc đất theo 299 đất màu do Ông Đ kê khai."*

Bà Huỳnh Thị B trình bày trong đơn về nguồn gốc đất và nhà ở ngày 16/11/2020 gửi UBND thành phố và thanh tra thành phố, có nội dung : Năm 1999 mưa, bão nhà tốc mái phải kêu thợ và nhờ bà con hàng xóm sửa chữa lợp lại nhà ở. Vợ chồng tôi ở, tôn tạo, quản lý, canh tác trên mảnh đất đó cho đến năm 2018 dự án X đổ đất công trình vây quanh nhà ở, lấp cống thoát nước, mưa ngập úng, sức khoẻ không đảm bảo, tôi phải đóng cửa lên ở với con dâu Mai Thị L tại tổ 47, phường H. Thời gian sau, do tính tình mẹ con dâu không hợp nên tôi dọn về ở tại nhà Thờ chi thất- Phái nhì, Tộc Nguyễn Văn – Trà Khê tại tổ 47, phường H cho đến nay.

Liên quan đến nội dung này, chủ hộ có cung cấp các giấy xác nhận của những người tham gia sữa chữa nhà, gồm: Ông Lê Công N ký ngày 14/11/2020; Ông Nguyễn Văn T ký ngày 14/11/2020; Ông Phạm Ngọc T ký ngày 14/11/2020; Ông Huỳnh Phước B ký ngày 15/11/2020; Ông Võ Tấn H ký ngày 15/11/2020; Ông Đoàn Văn Đ ký ngày 15/11/2020 và Ông Lê H ký ngày 19/11/2020 và xác nhận cùng nội dung là*: "Năm 1999 do mưa bão nhà Ông Nguyễn Thành Đ bên cạnh nhà Ông Nguyễn Quốc T (Nguyễn K) bị tốc mái và gây thiệt hại. Tôi có tham gia sửa chữa và lợp lại mái nhà cho Ông Nguyễn Thành Đ là đúng".*

Kiểm tra, đối chiếu thửa đất chủ hộ đang sử dụng với hồ sơ địa chính do UBND phường H quản lý cho thấy như sau: Thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707,6m2 tại tổ cũ là 28 (tổ mới là 47) phường H, do ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B sử dụng theo kê khai sử dụng chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Phủ Thủ Tướng (nay là Thủ Tướng Chính Phủ) là thửa 240, tờ bản đồ 10, diện tích 254,0m2 đất màu do Ông Nguyễn Thành Đ kê

khai, kê khai sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ là thửa số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 678,0m2 đất lâm nghiệp do UBND phường H quản lý.

Hiện trạng sử dụng tại thời điểm thu hồi là có nhà, ngôi nhà của chủ hộ có thể thực hiện cụ thể bản vẽ mặt bằng (tỷ lệ 1/200) ngày 24/4/2012 có xác nhận của UBND phường H. Bản kê khai nguồn gốc nhà, đất trong khu vực quy hoạch có nội dung về nhà là: Tự xây dựng, tường xây, mái tôn, nền xi măng, móng đá hộc (diện tích xây dựng hơn 100m^2) có UBND phường H xác nhận ngày 12/6/2013; Bảng tính giá trị đền bù ngày 22/7/2014 có tính bồi thường và được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt bồi thường, hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc. UBND quận N cung cấp ảnh chụp tại thời điểm kiểm tra thực tế ngày 20/6/2013 là có nhà tạm, không có lối đi, không ở.

Chủ hộ đã chấp hành bàn giao mặt bằng cho dự án theo biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 02/5/2019.

Về nội dung này, UBND phường H xác nhận tại biên bản làm việc với thanh tra thành phố ngày 15/3/2021: chủ hộ có nhà ở và sử dụng đất từ ngày 10/1/2005 cho nên xác định thời điểm sử dụng đất của Huỳnh Thị B sau ngày 01/7/2004, UBND phường H đã xác nhận và chịu trách nhiệm về các nội dung nêu trên.

Giấy tờ liên quan do chủ hộ cung cấp: Giấy xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở ngày 22/12/2004, UBND phường H xác nhận ngày 10/1/2005; Biên lai thu thuế nhà đất, đất số 019874 ngày 01/09/2004, người nộp thuế là ông Nguyễn Thành Đ, tổ 25, phường H, số tiền là 74.400 đồng, trong đó thuế nhà năm 2003 là 1.900 đồng, thuế đất năm 2004 là 25.500 đồng; Biên lai thu thuế nhà, đất số 006893 ngày 02/5/2008, người nộp thuế là ông Nguyễn Văn Lợi, tổ 28 phường H, số tiền 58.700 đồng, trong đó thuế "nhà 700m^2"; Biên lai thu thuế nhà, đất số 27090 ngày 05/12/2002, người nộp thuế là bà Nguyễn Thị V, tổ 25 phường H; sổ hộ khẩu số 150081331 của hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ và Bà Huỳnh Thị B, tổ 28, phường H. Chuyển đến năm 1995 do Công an N cấp ngày 25/10/2010.

Qua kiểm tra các giấy tờ nêu trên cho thấy: Giấy xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở ngày 22/12/2004 và biên lai thu thuế nhà, đất số 0006893 ngày 02/05/2008 là đúng tại vị trí đất thu hồi; UBND phường H xác nhận biên lai thu thuế nhà, đất số 019874 ngày 1/09/2004 không phải vị trí đất thu hồi (theo hồ sơ 1410) mà là biên lai của hồ sơ 1371; Biên lai thu thuế nhà, đất số 27090 ngày 05/12/2002 người nộp thuế là bà Nguyễn Thị V không có liên quan gì đến vị trí đất thu hồi của bà B; Sổ hộ khẩu số 150081331, UBND phường H và UBND quận N xác nhận không thuộc vị trí ngôi nhà tại hồ sơ giải toả 1410 (Báo cáo số 673/BC-UBND ngày 21/7/2020 của UBND phường H, báo cáo số 269/BC-UBND ngày 31/8/2020 và báo cáo số 333/BC-UBND ngày 26/10/2020 của UBND quận N).

Ngoài ra, chủ hộ có cung cấp các giấy tờ sau để xem xét, như: Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh đứng tên bà Huỳnh Thị B,

sinh năm 1927, thương tật hạng 4/4 (bị tù địch tra tấn để lại di chứng); di chúc do ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B lập ngày 02/12/2024 để nhà, đất nêu trên cho con cháu ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992 (có chữ kí của ông Đ, bà B và các con); Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất của bà Huỳnh Thị B; Huân chương độc lập hạng ba của ông Nguyễn Thành Đ.

Thu hồi đất và bồi thường thiệt hại:

Căn cứ quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, giao đất cho công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng (này là trung tâm phát triển quỹ đất thành phố) quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố, ngày 12/9/2014 UBND quận N ban hành Quyết định số 3160/QĐ-UBND thu hồi đất có diện tích 707,6m^2 do Ông Nguyễn Thành Đ (chết) và Bà Huỳnh Thị B sử dụng để giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý để thực hiện theo quy hoạch.

Căn cứ phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ dân thuộc diện giải toả dự án khu đô thị công nghệ X Đà Nẵng (ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của chủ tịch UBND thành phố) và báo cáo đề xuất của hội đồng GPMB quận N, Chủ tịch UBND thành phố đã phê duyệt giải quyết bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của Ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410) như sau:

- Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 11.000 đồng/m^2) cho diện tích 707,6m^2

- Hỗ trợ 100% nhà, vật, kiến trúc theo quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố.

- Bồi thường cây cối hoa màu trên đất theo quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố.

- Không giải quyết bố trí đất tái định cư

Trên nguyên tắc bàn giao mặt bằng mới giải quyết như sau: hỗ trợ thêm di dời, khó khăn, già yếu tổng số tiền 50.000.000 đồng. Hỗ trợ thêm 50% giá trị nhà, vật kiến trúc tương đương với số tiền 76.005.000 đồng. Hỗ trợ thêm tiền đất tương đương với 37.149.000 đồng (Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 03/5/2017, Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017, Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018, Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018, Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố).

Qua kiểm tra, đối chiếu với quy định nhận thấy như sau:

Nội dung bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cấy cối hoa màu và các khoản hỗ trợ khác, Chủ tịch UBND thành phố đã phê duyệt giải quyết đầy đủ cho chủ hộ và các chủ hộ không khiếu nại nội dung này.

Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết hỗ trợ theo giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng , đơn giá 11.000

đồng/m2 cho diện tích 707,6m^2 thành tiền 7.783.000 đồng và hỗ trợ thêm tiền đất là 16.982.000 đồng là phù hợp với kê khai sử dụng đất của chủ hộ theo quy định tại điểm đ, khoản 7, điều 16 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ban hành kèm theo quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng (Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND). Cụ thể quy định như sau:

Điều 16. Bồi thường đất nông nghiệp

Bồi thường 100% theo giá đất nông nghiệp đối với các trường hợp sau:

d) Đất nông nghiệp có đăng ký theo nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993, có đăng ký trong hồ sơ địa chính xác lập theo nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng liên tục đến khi thu hồi đất thì bồi thường theo diện tích đã đăng ký"

- Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất đúng với quy định tại bảng giá số 6 của phụ lục số 1- bảng giá chuẩn các loại đất trên địa bàn thành phố (ban hành kèm theo quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng) cụ thể quy định như sau:

Bảng giá số 6: Giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

Vị trí	Phường, xã đồng bằng	Xã miền núi
1	11,00	6,00
2	9,00	5,00
3	7,00	3,50

Tạo điều kiện cho chủ hộ, UBND thành phố đã giải quyết hỗ trợ thêm tiền đất 16.982.000 đồng (thành đơn giá hỗ trợ về đất là 35.000 đồng/m2) tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

Về việc không giải quyết bố trí đất tái định cư: diện tích đất thu hồi của hộ Bà Huỳnh Thị B không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên nên không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định tại Điều 47 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng nên chủ tịch UBND thành phố phê duyệt không giải quyết bố trí đất tái định cư cho hộ bà B là đúng quy định. Cụ thể quy định như sau: " Điều 47. Đối tượng bố trí đất tái định cư và nhà ở chung cư. Nguyên tắc bố trí đất tái định cư : Hộ thuộc diện giải toả bị thu hồi hết đất ở, hoặc diện tích đất ở thu hồi từ ¼ hạn mức công nhận hoặc ½ hạn mức giao đất ở trở lên và có nhu cầu đất tái định cư. Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng căn cứ nguyên tắc trên để lập phương án tái định cư cụ thể cho từng dự án; bố trí tái định cư:

Trường hợp hộ có diện tích đất ở bị thu hồi từ ¼ hạn mức công nhận hoặc ½ hạn mức giao đến 01 hạn mức (bao gồm cả đất ở và đất khuôn viên) thì bố trí 01 (một) lô.

Trường hợp hộ có diện tích đất ở bị thu hồi đất trên 01 hạn mức công nhận hoặc trên 01 hạn mức giao đất ở (bao gồm cả đất ở và đất khuôn viên) thì mỗi hạn mức được bố trí 01 (một) lô nhưng không quá 05 (năm) lô.

Trường hợp thửa đất bị thu hồi trong hạn mức công nhận hoặc hạn mức giao có nhiều hộ cùng sinh sống hoặc hộ gia đình có từ 08(tám) nhân khẩu trở lên và có đăng ký hộ khẩu thường trú từ ngày Luật cư trú ra đời (nếu nhập khẩu sau ngày Luật cư trú ra đời phải là các đối tượng được quy định tại khoản 5 điều 36 của quy định này) thì hội đồng xem xét trình UBND thành phố quyết định.

Các trường hợp không nằm trong các quy định tại khoản 2 nêu trên, nếu thực sự có nhu cầu về nhà ở sẽ được xem xét bố trí 01 (một) căn hộ ở chung cư.

Ngoài những quy định nêu trên, hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng đề xuất UBND thành phố về việc giải quyết bố trí đất tái định cư cho hộ bị giải toả, bố trí căn hộ chung cư cho những trường hợp đặc biệt.

Đối với những hộ bị thu hồi hết đất ở mà không có nhu cầu đất tái định cư thì hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng báo cáo đề xuất UBND thành phố xem xét hỗ trợ bằng tiền.

Ngày 12/4/2021, chủ tịch UBND thành phố Lê Trung C đã tổ chức đối thoại với bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Văn Lợi (nhận uỷ quyền của bà B).

Từ những nhận định và căn cứ vào các tài liệu, kết quả xác minh, đối thoại nêu trên, ngày 26/5/2021 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị B (uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn Q) với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại.

Qua kiểm tra rà soát hồ sơ vụ việc nhận thấy: Việc Chủ tịch UBND thành phố giải quyết việc bồi thường thiệt hại do thu hồi đất đối với bà Huỳnh Thị B là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn của địa phương nên giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại Quyết định 1808/QĐ-UBND ngày 216/5/2021. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

**** Tại phiên toà người bị kiện UBND quận N thành phố Đà Nẵng vắng mặt, nhưng tại văn bản gửi Tòa án trình bày:***

Về quá trình thu hồi đất:

Dự án Khu đô thị công nghệ X tại phường H, quận N được UBND thành phố đồng ý triển khai bắt đầu từ năm 2008 với diện tích là 1.814, 740 m^2 (181.474 ha) theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty

Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng (nay là Trung tâm Phát triển khai đất thành phố Đà Nẵng) quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố.

Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, UBND quận N ban hành Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân sự sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng với diện tích thu hồi là 707,6m^2 tại nhà đất số 35, thuộc bản đồ hiện trạng số 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (theo hồ sơ kỹ thuật đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố) xác lập vào ngày 19 tháng 5 năm 2008, có xác nhận của UBND phường H, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố và chữ ký của ông Nguyễn Văn Q (thừa kế).

Cơ sở pháp lý để UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất:

Về cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ - CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm đầu (2011. 2015) của thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật đất đai;

- Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục tiêu sử dụng đất, thu hồi đất;

- Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng (nay là Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng) quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố.

Việc UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng theo quy trình, tự động, thủ tục, thẩm quyền; đúng với hiện trạng, diện tích thu hồi đất của chủ nhân đang sử dụng và có sự xác nhận kỹ thuật của đại diện chủ hộ, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố và chính quyền địa phương .

**** Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H vắng mặt nhưng tại văn bản gửi Tòa án trình bày:***

Kết quả xác minh thông tin có liên quan đến hồ sơ giải toả của hộ bà Huỳnh Thị B – ông Nguyễn Văn Q đại diện (lần 2)

Tại khu vực thuộc dự án Khu đô Thị công nghệ X, hộ Ông Nguyễn Thành Đ, bà Huỳnh Thị B có 03 hồ sơ giải toả nhà ở là : hồ sơ giải toả số 1317 mang tên Ông Nguyễn Thành Đ (chết) – người thừa kế Nguyễn Thị Hồng T (vị trí mặt tiền đường kiệt xóm bàu cũ), hồ sơ số 1394 mang tên bà Huỳnh Thị B (vị trí trong kiệt) và hồ sơ 1410 mang tên Ông Nguyễn Thành Đ (chết), bà Huỳnh Thị

B – Ông Nguyễn Văn Q là đại diện (vị trí trong kiệt). Ba hồ sơ này có địa chỉ cùng tổ dân phố, thời điểm trước năm 2004 là tổ 25, từ 2005 đến 2015 tổ số 28, từ 2016 đến 2017 là tổ 78, từ 2018 đến nay là tổ dân phố 47 phường H.

Đối với hồ sơ giải toả số 1317 và hồ sơ số 1394:

Nguồn gốc sử dụng đất theo đăng kí trong chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, diện tích 2420m2, đất thổ cư do ông Nguyễn Đ kê khai; hộ ông Đ được UBND Huyện Hoà Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 739, tờ bản đồ số 13, diện tích 1816m^2, đất thổ cư.

Gia đình ông Nguyễn Thành Đ, bà Huỳnh Thị B sinh sống tại đây và được cấp sổ hộ khẩu thường trú số 150051331.

Kiểm tra bộ thuế nhà đất năm 2004 được lưu trữ tại UBND phường H thì biên lai thu thuế nhà, đất ngày 01/9/2004 , mã số thuế 019874, mang tên ông Nguyễn Thành Đ, địa chỉ tổ 25, phường H, có vị trí thu thuế là mặt tiền kiệt Bàu, không phải vị trí trong kiệt (hồ sơ 1410). Do đó, UBND phường H xác nhận vị trí của biên lai thuế này trùng với vị trí hồ sơ giải toả số 1317.

Đối với hồ sơ giải toả số 1410

Nguồn gốc sử dụng đất theo đăng ký theo nghị định 64-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của chính phủ thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 678m^2, đất LM, do UBND phường quản lý. Có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở, được UBND phường H xác nhận ngày 10/01/2005. UBND phường H xác định ngôi nhà tại hồ sơ giải toả này, gia đình ông Đ xây dựng và sử dụng từ thời điểm sau ngày 01/7/2004.

Vị trí biên lai thu thuế nhà, đất ngày 01/9/2004, mã số thuế 019874. Mang tên ông Nguyễn Thành Đ, địa chỉ tổ 25 phường H không trùng với vị trí của hồ sơ giải toả số 1410. Sổ hộ khẩu số 150051331 của gia đình ông Đ không thuộc vị trí ngôi nhà tại hồ sơ giải toả số 1410. Số hộ khẩu 227M do bà Trần Thị V đứng tên chủ hộ, địa chỉ tổ 16 phường H, Sơn T là không trùng khớp với vị trí ngôi nhà tại hồ sơ giải toả số 1410.

Ngoài ra, trong thành phần hồ sơ, chủ hộ có cung cấp biên lai thu thuế nhà đất năm 2002, địa chỉ tổ 25 H, nhưng mang tên bà Trần Thị V, không phải tên ông Đ và bà B.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tố tụng Hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu buộc bố trí đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị B do bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2, diện tích nhà ở 148,78m^2 của vợ chồng ông bà.

2. Bác toàn yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu:

Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1808/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (đại diện cho bà Huỳnh Thị B), trú tại tổ 23, phường H, quận N.

Hủy Quyết định 9223/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định 2400/QĐ UBND ngày 03/5/2017; Quyết định 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017; Quyết định 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018; Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018; Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc phê duyệt bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410).

Hủy Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất làm hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (Thu hồi 707,6m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết), bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q (đại diện) đang sử dụng tại đất số 35, bản đồ hiện trạng 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/8/2022, Người khởi kiện, bà Huỳnh Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa bản án, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đ diện cho bà Huỳnh Thị B người khởi kiện kháng cáo, ông Nguyễn Ngọc C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện như trong đơn của bà về 02 nội dung là: yêu cầu bố trí đất tái định cư cho bà và huỷ tất cả các Quyết định mà bà khởi kiện; cụ thể: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1808/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (đại diện cho bà Huỳnh Thị B); hủy Quyết định 9223/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định 2400/QĐ UBND ngày 03/5/2017; Quyết định 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017; Quyết định 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018; Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018; Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc phê duyệt bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410); hủy Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất làm hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (Thu hồi 707,6m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết), bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q (đại diện) đang sử dụng tại đất số 35, bản đồ hiện trạng 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng).

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định; về tố

tụng, án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục; về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có nhiều đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đề nghị của đương sự có mặt tại phiên tòa là Người khởi kiện và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc thửa đất liên quan đến việc khởi kiện của bà Huỳnh Thị B; Hội đồng xét xử thấy rằng: tại khu vực thuộc dự án Khu đô thị công nghệ X, hộ ông Nguyễn Thành Đ, bà Huỳnh Thị B có 03 hồ sơ giải toả nhà ở là : hồ sơ giải toả số 1317 đứng tên ông Nguyễn Thành Đ (chết) - người thừa kế là bà Nguyễn Thị Hồng T (vị trí mặt tiền đường kiệt xóm Bàu cũ); hồ sơ giải toả số 1394 đứng tên bà Huỳnh Thị B (vị trí trong kiệt) và hồ sơ 1410 đứng tên ông Nguyễn Thành Đ (chết), bà Huỳnh Thị B - ông Nguyễn Văn Q là đại diện (vị trí trong kiệt). Ba hồ sơ này có địa chỉ cùng tổ dân phố, thời điểm trước năm 2004 là tổ 25, từ 2005 đến 2015 là tổ số 28, từ 2016 đến 2017 là tổ 78, từ 2018 đến nay là tổ dân phố 47 phường H.

[2.2] Quá trình khiếu nại, khởi kiện bà B cung cấp nhiều chứng cứ để chứng minh cho việc yêu cầu của mình; do vậy cần phân biệt các chứng cứ như sau:

[2.2.1] Đối với hồ sơ giải toả số 1317 và hồ sơ giải toả số 1394: nguồn gốc sử dụng đất đăng kí theo C thị 299/TTg thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, diện tích 2420m^2, đất thổ cư do ông Nguyễn Thành Đ kê khai; hộ ông Đ được UBND huyện Hoà Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 739, tờ bản đồ số 13, diện tích 1816m^2, đất thổ cư. Gia đình ông Nguyễn Thành Đ, bà Huỳnh Thị B sinh sống tại đây và được cấp sổ hộ khẩu thường trú số 150051331. Kiểm tra bộ thuế nhà đất năm 2004 được lưu trữ tại UBND phường H thì biên lai thu thuế nhà, đất ngày 01/9/2004 , mã số thuế 019874, mang tên ông Nguyễn Thành Đ, địa chỉ tổ 25, phường H, có vị trí thu thuế là mặt tiền kiệt Bàu, không phải vị trí trong kiệt (hồ sơ 1410). Do đó, UBND phường H xác nhận vị trí của biên lai thuế này trùng với vị trí hồ sơ giải toả số 1317. Như vậy các chứng cứ trên không chứng minh được việc hộ gia đình ông Đ sinh sống có hộ khẩu và nộp thuế tại thửa đất đang khiếu nại, khởi kiện.

[2.2.2] Đối với hồ sơ giải toả số 1410 (thửa đất đang khiếu nại, khởi kiện): nguồn gốc sử dụng đất đăng ký theo Nghị định 64-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 678m^2, đất LN, do UBND phường quản lý; bà B có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở, được UBND phường H xác nhận ngày 10/01/2005. UBND phường H xác định ngôi nhà tại hồ sơ giải toả này, gia đình ông Đ xây dựng và sử dụng từ thời điểm sau ngày 01/7/2004. Vị trí biên lai thu thuế nhà, đất ngày 01/9/2004, mã số thuế 019874 đứng tên ông Nguyễn Thành Đ, địa chỉ tổ 25 phường H không trùng với vị trí của hồ sơ giải toả số 1410. Sổ hộ khẩu số 150051331 của gia đình ông Đ không thuộc vị trí ngôi nhà tại hồ sơ giải toả số 1410. Số hộ khẩu 227M do bà Trần Thị V đứng tên chủ hộ, địa chỉ tổ 16 phường H là không trùng khớp với vị trí ngôi nhà tại hồ sơ giải toả số 1410. Biên lai thu thuế nhà đất năm 2002, địa chỉ tổ 25 H, nhưng mang tên bà Trần Thị V, không phải tên ông Đ và bà B.

[2.3] Dựa vào các hồ sơ tài liệu trên; HĐXX có cơ sở xác định: nguyên nguồn gốc 707,6m^2 đất, có số thửa 35, tờ bản số 232, tại tổ 47 (tổ 28 cũ), phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng do ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B đang sử dụng; trước đây được ông Nguyễn Thành Đ đăng ký kê khai theo C thị số 299/TTg với diện tích 254m^2 loại đất màu, có số thửa 240, tờ bản đồ số 10; sau này do UBND phường H kê khai quản lý sử dụng theo Nghị định số 64/CP với diện tích 678m^2 loại đất lâm nghiệp, có số thửa 52, tờ bản đồ số 18. Riêng việc đóng thuế nhà, đất thể hiện có biên lai thu nhưng ở các vị trí khác, còn vị trí thửa đất trên có biên lai số 0006893 ngày 02/5/2008, người nộp thuế là ông Nguyễn Văn Lợi, tổ 28 phường H, số tiền là 57.800đ; không phải do vợ chồng ông Đ, bà B nộp. Tại thời điểm thu hồi đất có nhà tường xây, mái tôn, nền xi măng không có lối đi, không người ở. Do vậy; toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá các chứng cứ, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị B yêu cầu bố trí đất tái định cư cho bà; HĐXX thấy rằng: ngày 11/7/2022, người khởi kiện có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: *"Buộc bố trí đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị B do bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2, diện tích nhà ở 148,78m^2 của vợ chồng ông bà"*. Do vậy, toà án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu trên của bà là đúng pháp luật; nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này.

[4] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị B yêu cầu huỷ tất cả các Quyết định mà bà khởi kiện:

[4.1] Xét kháng cáo về huỷ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất làm hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 707,6m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết), bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q (đại diện) đang sử dụng tại đất số 35, bản đồ hiện trạng 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng). HĐXX thấy rằng: Dự án Khu đô thị công nghệ X tại phường H, quận N được UBND thành phố đồng ý triển khai bắt đầu từ năm 2008 với diện tích là 1.814,740

m^2 (181.474 ha) theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng) quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố. Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, UBND quận N ban hành Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng với diện tích thu hồi là 707,6m^2 có thửa số 35, tờ bản đồ số 232, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo hồ sơ kỹ thuật đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố xác lập vào ngày 19/5/2008, có xác nhận của UBND phường H, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố và chữ ký của ông Nguyễn Văn Q. Việc UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền; đúng với hiện trạng, diện tích thu hồi đất của người đang sử dụng và có sự xác nhận kỹ thuật của đại diện chủ hộ, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố và chính quyền địa phương. Quyết định trên đúng với các quy định tại Luật đất đai ngày 29/11/2013; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011- 2015 của thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố. Do đó, toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B là có căn cứ.

[4.2] Xét kháng cáo về huỷ các quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại 1808/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (đại diện cho bà Huỳnh Thị B); hủy Quyết định 9223/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định 2400/QĐ UBND ngày 03/5/2017; Quyết định 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017; Quyết định 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018; Quyết định 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018; Quyết định 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc phê duyệt bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410). HĐXX thấy rằng: các quyết định trên được UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ vào kết quả xác minh thực tế quyền sử dụng đất và Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng để ban hành là đúng với quy định của pháp luật, cụ thể: hỗ trợ 100% giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 11.000 đồng/m^2) cho diện tích 707,6m^2; hỗ trợ 100% giá nhà, vật, kiến trúc theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố; bồi thường cây cối hoa màu trên đất theo quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố; không giải quyết bố trí đất tái định cư; hỗ trợ thêm di dời, khó khăn, già yếu tổng số tiền

50.000.000 đồng; hỗ trợ thêm 50% giá trị nhà, vật kiến trúc tương đương với số tiền 76.005.000 đồng; hỗ trợ thêm tiền đất tương đương với 37.149.000 đồng

[5] Từ nhận định trên đây; xét thấy toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho bà B kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới; do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[6] Do kháng cáo của bà Huỳnh Thị B không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên bà B là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của bà Huỳnh Thị B; giữ nguyên quyết định Bản án số 15/2022/HC- ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tố tụng hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1 Đình chỉ yêu cầu buộc bố trí đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị B do bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 35, tờ bản đồ hiện trạng số 232, diện tích 707.6m^2, diện tích nhà ở 148,78m^2 của vợ chồng ông bà.

1.2 Bác toàn nội dung khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu:

Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1808/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q (đại diện cho bà Huỳnh Thị B), trú tại tổ 23, phường H, quận N.

Hủy Quyết định số 9223/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định số 2400/QĐ UBND ngày 03/5/2017; Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 21/12/2017; Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 11/8/2018; Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018; Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc phê duyệt bồi thường thiệt hại do thu hồi đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị B (hồ sơ 1410).

Hủy Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất làm hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 707,6m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành Đ (đã chết), bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q (đại diện) đang sử dụng tại đất số 35, bản đồ hiện trạng 232,

phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng).

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Huỳnh Thị B không phải chịu; hoàn lại cho bà B 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 5040 ngày 15/8/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/12/2022).

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng ;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường